

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA
Bản án số: 21/2018/HS-ST
Ngày: 07/8/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thúy Phượng**

Thẩm phán: Ông **Phạm Đình Thanh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Mai Xuân Trí**

Ông **Mai Thu**

Bà **Văn Thị Lệ Văn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Ánh** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:

Ông **Trương Quang Thu** – Kiểm sát viên

Trong các ngày 06 và 07 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Hồ Thị Phương A (tên gọi khác: A1), sinh ngày 12/11/1986; tại Khánh Hòa; trú tại: Thôn A2, xã A3, thị xã A4, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Đăng A5 (1957) và bà Huỳnh Thị A6 (1957); chồng: Không; có 01 con sinh tháng 9/2015; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa: Luật sư **Huỳnh Văn B** – Công ty luật TNHH một thành viên B1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa, bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của Tòa án. Có mặt.

- Bị hại: Công ty Cổ phần C. Địa chỉ: 74 đường 1, phường C2, thành phố C3, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật của bị hại: Ông **C4**, sinh năm 1953 - Tổng giám đốc Công ty Cổ phần C; trú tại: 17 đường C5, phường C6, thành phố C3, tỉnh Khánh Hòa.

Ông C4 ủy quyền cho ông C7, sinh năm 1962; trú tại 6B đường 7C, phường C8, thành phố C3 và bà C9, sinh năm 1982; trú tại 165 đường C10, phường C11, thành phố C3 tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền số 1262/GUQ - CTDP ngày 31 tháng 7 năm 2018.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/6/2014, Công ty Cổ phần C có quyết định số 781/TB-CTDP tuyển dụng và phân công Hồ Thị Phương A về nhận công tác tại hiệu thuốc A4 (hiệu thuốc A4 trực thuộc Công ty Cổ phần C), chức năng, nhiệm vụ được giao là nhân viên kế toán kiêm thu tiền tại hiệu thuốc A4.

Trong thời gian công tác, Hồ Thị Phương A đã lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được công ty giao trực tiếp thu tiền hoặc thu tiền lại từ các nhân viên thu tiền khác tại hiệu thuốc A4, từ các quầy thuốc khoán, quầy thuốc tư nhân, đại lý thuốc, quầy thuốc trực thuộc công ty và phòng chẩn trị y học cổ truyền trên địa bàn thị xã A4. Theo quy định, sau khi thu tiền, hằng ngày Hồ Thị Phương A phải có trách nhiệm lập bảng kê dựa trên các phiếu thu đã thu tiền từ các khách hàng nộp về công ty. Nhưng sau khi thu được tiền từ các khách hàng, Hồ Thị Phương A chỉ lập bảng kê và nộp tiền về công ty ít hơn số thực thu, với thủ đoạn viết phiếu thu tiền từ khách hàng đã nộp ít hơn số tiền thực tế khách hàng nộp, sửa số tiền đã thu từ khách hàng trên phiếu thu ít hơn số tiền thực tế đã thu, giữ lại một số phiếu thu và tiền đã thu từ khách hàng không lập bảng kê nộp về công ty... Tính đến ngày 12/3/2017, Hồ Thị Phương A đã chiếm đoạt của Công ty Cổ phần C với tổng số tiền là 1.776.123.822 đồng (Một tỷ, bảy trăm bảy mươi sáu triệu, một trăm hai mươi ba nghìn, tám trăm hai mươi hai đồng) từ số tiền thu được của 83 quầy thuốc trên địa bàn thị xã A4 để tiêu xài cá nhân. Cụ thể:

1. Quầy thuốc số 43: A đã thu số tiền 27.406.500 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 18.766.500 đồng, A chiếm đoạt số tiền 8.640.000 đồng.

2. Quầy thuốc số 42: A đã thu số tiền 31.719.900 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 31.719.900 đồng.

3. Quầy thuốc TTM: A đã thu số tiền 20.134.700 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 20.134.700 đồng.

4. Quầy thuốc KTr: A đã thu số tiền 13.874.752 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 13.874.752 đồng.

5. Quầy thuốc số 65: A đã thu số tiền 20.080.250 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 8.589.000 đồng, A chiếm đoạt số tiền 11.491.250 đồng.

6. Quầy thuốc KTh: A đã thu số tiền 26.634.400 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 20.834.400 đồng, A chiếm đoạt số tiền 5.800.000 đồng.

7. Quầy thuốc số 58: A đã thu số tiền 17.567.000 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 17.567.000 đồng.

8. Quầy thuốc TH: A đã thu số tiền 8.492.250 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 4.531.250 đồng, A chiếm đoạt số tiền 3.961.000 đồng.

9. Quầy thuốc số 20: A đã thu số tiền 3.000.000 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng.

10. Quầy thuốc số 38: A đã thu số tiền 15.860.800 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 6.570.250 đồng, A chiếm đoạt số tiền 9.290.550 đồng.

11. Quầy thuốc số 64: A đã thu số tiền 28.794.460 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 28.794.460 đồng.

12. Quầy thuốc số 49: A đã thu số tiền 26.381.180 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 18.844.000 đồng, A chiếm đoạt số tiền 7.537.180 đồng.

13. Quầy thuốc số 13: A đã thu số tiền 50.000.000 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng.

14. Quầy thuốc số 31: A đã thu số tiền 17.094.000 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 17.094.000 đồng.

15. Quầy thuốc số 36: A đã thu số tiền 26.396.350 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 13.568.000 đồng, A chiếm đoạt số tiền 12.828.350 đồng.

16. Phòng chẩn trị đông y A4: A đã thu số tiền 1.115.500 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 1.115.500 đồng.

17. Đại lý thuốc PBM: A đã thu số tiền 53.867.500 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 17.177.300 đồng, A chiếm đoạt số tiền 36.690.200 đồng.

18. Quầy thuốc ĐS: A đã thu số tiền 10.396.470 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 7.132.470 đồng, A chiếm đoạt số tiền 3.264.000 đồng.

19. Quầy thuốc số 61: A đã thu số tiền 6.963.540 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 4.447.000 đồng, A chiếm đoạt số tiền 2.516.540 đồng.

20. Quầy thuốc số 57: A đã thu số tiền 14.618.650 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 6.584.450 đồng, A chiếm đoạt số tiền 8.034.200 đồng.

21. Quầy thuốc MT: A đã thu số tiền 35.886.855 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 15.427.254 đồng, A chiếm đoạt số tiền 20.459.601 đồng.

22. Quầy thuốc NgT: A đã thu số tiền 2.744.500 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 2.744.500 đồng.

23. Quầy thuốc số 59: A đã thu số tiền 16.811.700 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 16.811.700 đồng.

24. Quầy thuốc số 34: A đã thu số tiền 33.138.700 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 33.138.700 đồng.

25. Quầy thuốc số 12: A đã thu số tiền 12.000.000 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 12.000.000 đồng.

26. Quầy thuốc TL: A đã thu số tiền 36.326.000 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 36.326.000 đồng.

27. Quầy thuốc số 05: A đã thu số tiền 3.000.000 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng.

28. Quầy thuốc số 21: A đã thu số tiền 4.600.000 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 4.600.000 đồng.

29. Quầy thuốc số 02: A đã thu số tiền 10.000.000 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng.

30. Quầy thuốc số 09: A đã thu số tiền 20.329.766 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 20.329.766 đồng.

31. Quầy thuốc số 17: A đã thu số tiền 15.000.000 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 15.000.000 đồng.

32. Quầy thuốc số 06: A đã thu số tiền 4.000.000 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 4.000.000 đồng.

33. Quầy thuốc số 01: A đã thu số tiền 10.000.000 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng.

34. Quầy thuốc số 07: A đã thu số tiền 47.630.000 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 47.630.000 đồng.

35. Quầy thuốc số 40: A đã thu số tiền 16.000.000 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 6.608.700 đồng, A chiếm đoạt số tiền 9.391.300 đồng.

36. Quầy thuốc số 08: A đã thu số tiền 5.000.000 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng.

37. Quầy thuốc số 23: A đã thu số tiền 2.000.000 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng.

38. Quầy thuốc số 24: A đã thu số tiền 2.000.000 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng.

39. Quầy thuốc số 50: A đã thu số tiền 11.214.240 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 4.016.900 đồng, A chiếm đoạt số tiền 7.197.340 đồng.

40. Quầy thuốc số 51: A đã thu số tiền 13.068.500 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 13.068.500 đồng.

41. Quầy thuốc số 62: A đã thu số tiền 45.643.600 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 19.800.000 đồng, A chiếm đoạt số tiền 25.843.600 đồng.

42. Quầy thuốc NN: A đã thu số tiền 32.343.541 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 32.343.541 đồng.

43. Quầy thuốc NV: A đã thu số tiền 57.721.309 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 27.895.644 đồng, A chiếm đoạt số tiền 29.825.665 đồng.

44. Quầy thuốc số 30: A đã thu số tiền 26.018.000 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 26.018.000 đồng.

45. Quầy thuốc số 63: A đã thu số tiền 12.478.170 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 3.244.400 đồng, A chiếm đoạt số tiền 9.233.770 đồng.

46. Quầy thuốc số 41: A đã thu số tiền 13.828.000 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 5.113.000 đồng, A chiếm đoạt số tiền 8.715.000 đồng.

47. Quầy thuốc số 35: A đã thu số tiền 42.000.000 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 23.000.000 đồng, A chiếm đoạt số tiền 19.000.000 đồng.

48. Quầy thuốc số 60: A đã thu số tiền 24.663.950 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 24.663.950 đồng.

49. Quầy thuốc NgTh: A đã thu số tiền 4.979.918 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 4.979.918 đồng.

50. Quầy thuốc số 22: A đã thu số tiền 4.000.000 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 4.000.000 đồng.

51. Quầy thuốc số 10: A đã thu số tiền 25.000.000 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 25.000.000 đồng.

52. Quầy thuốc số 69: A đã thu số tiền 11.635.000 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 7.000.000 đồng, A chiếm đoạt số tiền 4.635.000 đồng.

53. Quầy thuốc số 47: A đã thu số tiền 66.441.762 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 15.078.000 đồng, A chiếm đoạt số tiền 51.363.762 đồng.

54. Quầy thuốc số 45: A đã thu số tiền 22.644.400 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 22.644.400 đồng.

55. Quầy thuốc số 16: A đã thu số tiền 13.000.000 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 13.000.000 đồng.

56. Quầy thuốc số 56: A đã thu số tiền 22.244.470 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 22.244.470 đồng.

57. Quầy thuốc số 53: A đã thu số tiền 65.990.800 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 65.990.800 đồng.

58. Quầy thuốc số 11: A đã thu số tiền 10.000.000 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng.

59. Quầy thuốc TNi: A đã thu số tiền 20.982.796 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 6.000.000 đồng, A chiếm đoạt số tiền 14.982.796 đồng.

60. Quầy thuốc số 19: A đã thu số tiền 15.195.801 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 15.195.801 đồng.

61. Quầy thuốc số 67: A đã thu số tiền 4.341.115 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 4.341.115 đồng.

62. Quầy thuốc số 66: A đã thu số tiền 14.552.000 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 8.228.500 đồng, A chiếm đoạt số tiền 6.323.500 đồng.

63. Quầy thuốc ĐTh: A đã thu số tiền 49.678.300 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 12.900.806 đồng, A chiếm đoạt số tiền 36.777.494 đồng.

64. Quầy thuốc số 37: A đã thu số tiền 23.000.000 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 10.000.000 đồng, A chiếm đoạt số tiền 13.000.000 đồng.

65. Quầy thuốc số 18: A đã thu số tiền 24.629.400 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 10.221.800 đồng, A chiếm đoạt số tiền 14.407.600 đồng.

66. Phòng chẩn trị y học cổ truyền THg: A đã thu số tiền 1.240.000 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 1.240.000 đồng.

67. Quầy thuốc ATP: A đã thu số tiền 36.847.080 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 14.341.647 đồng, A chiếm đoạt số tiền 22.505.433 đồng.

68. Quầy thuốc số 52: A đã thu số tiền 27.574.950 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 17.353.100 đồng, A chiếm đoạt số tiền 10.221.850 đồng.

69. Phòng chẩn trị y học cổ truyền TMD: A đã thu số tiền 4.090.200 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 4.090.200 đồng.

70. Quầy thuốc TT: A đã thu số tiền 160.799.438 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 100.103.269 đồng, A chiếm đoạt số tiền 60.696.169 đồng.

71. Quầy thuốc số 25: A đã thu số tiền 687.275.218 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 635.687.146 đồng, A chiếm đoạt số tiền 51.588.072 đồng.

72. Đại lý thuốc NVN: A đã thu số tiền 28.000.000 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 19.601.261 đồng, A chiếm đoạt số tiền 8.398.739 đồng.

73. Quầy thuốc số 27: A đã thu số tiền 245.746.478 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 221.722.277 đồng, A chiếm đoạt số tiền 24.024.201 đồng.

74. Đại lý thuốc VTNH: A đã thu số tiền 12.776.000 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 12.776.000 đồng.

75. Quầy thuốc số 44: A đã thu số tiền 14.000.000 đồng, A không nộp về công ty, A chiếm đoạt số tiền 14.000.000 đồng.

76. Quầy thuốc TBi: A đã thu số tiền 19.488.142 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 7.763.550 đồng, A chiếm đoạt số tiền 11.724.592 đồng.

77. Quầy thuốc số 46: A đã thu số tiền 26.785.670 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 1.790.320 đồng, A chiếm đoạt số tiền 24.995.350 đồng.

78. Quầy thuốc số 26: A đã thu số tiền 415.455.699 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 351.250.727 đồng, A chiếm đoạt số tiền 64.204.972 đồng.

79. Quầy thuốc số 29: A đã thu số tiền 1.389.948.524 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 1.310.959.645 đồng, A chiếm đoạt số tiền 78.988.879 đồng.

80. Quầy thuốc Ntr: A đã thu số tiền 169.837.532 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 96.502.532 đồng, A chiếm đoạt số tiền 73.335.000 đồng.

81. Quầy thuốc QNh: A đã thu số tiền 81.482.214 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 69.717.274 đồng, A chiếm đoạt số tiền 11.764.940 đồng.

82. Quầy thuốc TTh: A đã thu số tiền 53.126.545 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 47.378.740 đồng, A chiếm đoạt số tiền 5.747.805 đồng.

83. Quầy thuốc số 32: A đã thu số tiền 530.753.121 đồng, đã nộp cho công ty số tiền 307.512.672 đồng, A chiếm đoạt số tiền 223.240.449 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 08/CT-VKSKH-P2 ngày 19/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa truy tố bị cáo Hồ Thị Phương A về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

+ Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố và luận tội:

Về số tiền 6.040.000 đồng bị cáo mượn danh nghĩa 2 nhà thuốc NV và TT mua yến hũ để kéo dài thời gian nhận số nợ, chứ không nhằm mục đích chiếm đoạt khoản tiền này.

Về số tiền 5.500.000 đồng là khoản tiền lương mà Công ty trả lương cho chị D nhưng chị D khấu trừ vào khoản tiền bán hàng, do đó đây không phải là khoản tiền hàng của Công ty.

Về khoản tiền bị cáo thu dư 5.443.260 đồng và khoản tiền quỹ 8.330.626 đồng, đây là phần dân sự.

Những khoản tiền nói trên cơ quan điều tra và Viện kiểm sát xác định bị cáo không chiếm đoạt số tiền này.

Có căn cứ xác định bị cáo chiếm đoạt số tiền 1.776.123.822 đồng. Lời khai của bị cáo phù hợp với kết quả điều tra và thẩm vấn tại phiên tòa cho thấy hành vi của bị cáo Hồ Thị Phương A đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Như vậy, cáo trạng số 08/CT-VKSKH-P2 ngày 19/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa truy tố bị cáo Hồ Thị Phương A về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại Khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bồi thường khắc phục một phần hậu quả nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo từ 13 đến 14 năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

+ Bị cáo trình bày: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là sai trái, vi phạm pháp luật, nhưng hiện tại bị cáo đang nuôi con nhỏ hoàn cảnh khó khăn, vì vậy mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về nuôi con.

+ Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Đồng ý với tội danh Viện kiểm sát truy tố bị cáo. Các khoản tiền bị cáo mua yến, trả lương, tiền quỹ, thu dư tiền hàng bị cáo không chiếm đoạt vì đây là quan hệ dân sự nên không xem xét. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; tại phiên tòa bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại để khắc phục hậu quả. Hiện tại, bị cáo đang nuôi con nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

+ Đại diện của Công ty cổ phần C đồng ý với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát và đề nghị Tòa buộc bị cáo phải trả lại cho Công ty cổ phần C số tiền 1.752.123.822 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*** Về trách nhiệm hình sự:**

[1] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nên có cơ sở xác định: Hồ Thị Phương A là nhân viên kế toán công nợ của Hiệu thuốc A4 thuộc Công ty Cổ phần C. Với nhiệm vụ được giao là kế toán thu tiền hàng của các quầy thuốc tại A4, bị cáo có trách nhiệm phải trực tiếp thu tiền hoặc thu tiền từ các nhân viên thu tiền khác tại hiệu thuốc A4 từ các quầy thuốc khoán, quầy thuốc tư nhân, đại lý thuốc, quầy thuốc trực thuộc Công ty và phòng chẩn trị y học cổ truyền trên địa bàn thị xã A4. Sau khi thu tiền, hàng ngày bị cáo phải có trách nhiệm lập bảng kê dựa trên các phiếu thu đã

thu tiền từ các quầy thuốc nộp về Công ty cổ phần C theo quy định. Tuy nhiên, trong thời gian công tác lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao, từ tháng 3/2016 đến ngày 12/3/2017 bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối lập bảng kê không đầy đủ số tiền hàng thu về và nộp số tiền hàng thu về cho Công ty ít hơn số tiền thực tế đã thu của khách hàng, viết phiếu thu tiền ít hơn số tiền thực tế khách hàng đã nộp, lập bảng kê không đầy đủ các phiếu đã thu tiền, thu tiền của khách hàng nhưng không viết phiếu, sửa chữa phiếu thu tiền (liên 3 viết số tiền ít hơn liên 1 giao cho khách hàng) viết chứng từ hóa đơn không đúng quy định tài chính để chiếm đoạt tiền của Công ty C với số tiền là 1.776.123.822 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã có đủ dấu hiệu cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 là Điều luật có lợi hơn so với khoản 4 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 (thời điểm xảy ra hành vi phạm tội của bị cáo). Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

- Đối với số tiền 6.040.000 đồng bị cáo mượn danh nghĩa 2 nhà thuốc NV và TT mua yến hũ và số tiền 5.500.000 đồng là khoản tiền lương mà Công ty trả lương cho chị Trần Thị Lệ D (ở quầy thuốc số 12), bị cáo đều cần trừ các khoản tiền trên vào khoản nợ tiền hàng của các hiệu thuốc với Công ty, hành vi này của bị cáo có dấu hiệu chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, Tòa án đã trả hồ sơ điều tra bổ sung, nhưng Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm. Vì giới hạn của việc xét xử theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự nên Tòa án không thể xét xử hành vi này của bị cáo.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, để có tiền sử dụng cho mục đích cá nhân, bị cáo đã lợi dụng sự tín nhiệm của Công ty giao nhiệm vụ là kế toán công nợ, bị cáo đã có hành vi gian dối chiếm đoạt số tiền rất lớn của Công ty cổ phần C. Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm đến tài sản của tổ chức kinh tế, mà còn gây khó khăn làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội. Vì vậy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian suy ngẫm về hành vi phạm tội của mình mà phấn đấu cải tạo tốt, đồng thời răn đe và ngăn ngừa các hành vi tương tự khác trong xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình; bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Tại phiên tòa bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại để khắc phục hậu quả cho bị hại; hiện tại

bị cáo đang nuôi con nhỏ. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Đại diện Công ty cổ phần C yêu cầu bị cáo trả lại toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của Công ty (trừ số tiền 20.000.000 đồng mà bị cáo đã trả cho Công ty tại phiên tòa và số tiền 4.000.000 đồng mà bị cáo đã khắc phục trong quá trình điều tra).

Xét thấy, yêu cầu của bị hại là có căn cứ và đúng pháp luật nên buộc bị cáo phải trả lại Công ty cổ phần C số tiền 1.752.123.822 đồng (1.776.123.822 đồng – 24.000.000 đồng = 1.752.123.822 đồng).

- Quá trình điều tra bị cáo đã nộp 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*) để khắc phục hậu quả, Cơ quan điều tra đã thu giữ và nộp số tiền này vào Kho bạc Nhà nước ngày 16/01/2018. Đây là số tiền bị cáo khắc phục hậu quả cho Công ty cổ phần C, nên giao trả số tiền này cho Công ty.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: $36.000.000đ + (952.123.822đ \times 3\%) = 64.563.715$ đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Hồ Thị Phương A** phạm tội **“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”**.

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hồ Thị Phương A;

Áp dụng khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015; khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội;

Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

2. Xử phạt: Bị cáo **Hồ Thị Phương A 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội **“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015;

Buộc bị cáo Hồ Thị Phương A phải trả cho Công ty cổ phần C số tiền 1.752.123.822 đ (*một tỷ bảy trăm năm mươi hai triệu một trăm hai mươi ba ngàn tám trăm hai mươi hai đồng*).

- Trả lại cho Công ty cổ phần C số tiền 4.000.000 đồng (*bị cáo nộp để khắc phục hậu quả*) theo giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số 0000082 ngày 16/01/2018.

5. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đ (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo phải chịu 64.563.715 đ (*sáu mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi ba ngàn bảy trăm mười lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quy định chung: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) nếu không thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thúy Phụng